

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND- KTHTĐT
V/v khảo sát, cung cấp thông tin giá
vật liệu xây dựng trên địa bàn thời
điểm tháng 4 năm 2025.

Ngọc Lặc, ngày tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 2582/SXD-KTVL ngày 08/5/2025 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc khảo sát, cung cấp thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thời điểm tháng 4 năm 2025.

Sau khi rà soát, thu thập thông tin, UBND huyện Ngọc Lặc cung cấp thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện tại thời điểm tháng 4 năm 2025 cụ thể như sau:

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

UBND huyện Ngọc Lặc báo cáo để Sở Xây dựng tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- Trang TT điện tử huyện;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hùng Cường

Phụ biểu báo cáo kết quả khảo sát, thu thập thông tin giá VLXD phục vụ công bố giá VLXD tháng 4 năm 2025

(Kèm theo Công văn số /UBND-KTHTĐT ngày /5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc)

STT	Nhóm VL	Tên loại VL	ĐVT	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá (chưa VAT)	Giá đã có thuế
[1]	[2]	[3]	[4]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]
1	Nhóm vật liệu khai thác tự nhiên									
		Đá mặt	m ³	Công ty TNHH Thiên Phú Sơn			Đơn giá tại mỏ			88.000
		Đất 0,5	m ³							154.000
		Đá 1x2	m ³							165.000
		Đá 2x4	m ³							154.000
		Đá 4x6	m ³							132.000
		Đá hộc	m ³							110.000
		Bây A	m ³							154.000
		Bây B	m ³							99.000
		Đá thải	m ³							77.000
		Đá xẻ lát	m ³							165.000 đến 275.000

		Đá mặt	m ³	Công ty TNHH Thanh Nghệ			Đơn giá tại mỏ		110.000	
		Đát 0,5	m ³						154.000	
		Đá 1x2	m ³						190.000	
		Đá 2x4	m ³						154.000	
		Đá 4x6	m ³						154.000	
		Bây B	m ³						99.000	
		Đá mặt	m ³	Công ty xây dựng thương mại Minh Hương			Đơn giá tại mỏ			100.000
		Đá 1x2	m ³							190.000
		Đá hộc	m ³							90.000
		Bây B	m ³							90.000
		Đá mặt	m ³	Công ty TNHH khai thác đá Liên Việt			Đơn giá tại mỏ			88.000
		Đát 0,5	m ³							154.000
		Đá 1x2	m ³							165.000
		Đá 2x4	m ³							154.000
		Đá 4x6	m ³							132.000
		Đá hộc	m ³							110.000
		Bây A	m ³							154.000
		Bây B	m ³							99.000
		Đá thải	m ³							77.000
		Đá xẻ lát	m ³							165.000 đến 275.000

		Đá mặt	m ³	Công ty TNHH Độ Quý			Đơn giá tại mỏ		80.000	
		Đất 0,5	m ³						150.000	
		Đá 1x2	m ³						160.000	
		Đá 2x4	m ³						140.000	
		Đá 4x6	m ³						140.000	
		Đá hộc	m ³						100.000	
		Bây A	m ³						140.000	
		Bây B	m ³						90.000	
		Xô Bò	m ³	Công ty TNHH Cơ khí Chính Xác 11			Đơn giá tại mỏ		70.000	
		Đá hộc	m ³						100.000	
		Bây B	m ³						90.000	
		Đá mặt	m ³	Công ty CPSX và TM Tự Lập			Đơn giá tại mỏ		110.000	
		Đất 0,5	m ³						160.000	
		Đá 1x2	m ³						165.000	
		Đá 2x4	m ³						160.000	
		Đá 4x6	m ³						140.000	
		Đá hộc	m ³						100.000	
		Bây A	m ³						130.000	
		Bây B	m ³						110.000	
		Đá mặt	m ³	Công ty CP Thống Nhất STC			Đơn giá tại mỏ		130.000	
		Đất 0,5	m ³						160.000	
		Đá 1x2	m ³						170.000	
		Đá 2x4	m ³						170.000	

		Đá 4x6	m ³						155.000	
		Đá học	m ³						110.000	
		Bây A	m ³						155.000	
		Bây B	m ³						130.000	
		Đá mặt	m ³	Công ty TNHH Tiến Thịnh			Đơn giá tại mỏ		110.000	
		Đất 0,5	m ³						165.000	
		Đá 1x2	m ³						220.000	
		Đá 2x4	m ³						650.000	
		Đá 4x6	m ³						650.000	
		Đá học	m ³						110.000	
		Bây A	m ³						165.000	
		Bây B	m ³						77.000 đến 88.000	
		Đá xô bờ							110.000 đến 125.000	
		Khối đá xẻ							2.000.000 đến 16.000.000	
		Đá mặt	m ³	Công ty TNHH Khánh Thành			Đơn giá tại mỏ		80.000	
		Đất 0,5	m ³						150.000	
		Đá 1x2	m ³						160.000	
		Đá 2x4	m ³						140.000	
		Đá 4x6	m ³						140.000	
		Đá học	m ³						100.000	

		Bây A	m ³						140.000	
		Bây B	m ³						90.000	
		Đá mặt	m ³	Công ty TNHH Hoàng Quân			Đơn giá tại mỏ		125.000	
		Đất 0,5	m ³						170.000	
		Đá 1x2	m ³						205.000	
		Đá 2x4	m ³						180.000	
		Đá 4x6	m ³						180.000	
		Đá hộc	m ³						140.000	
		Bây A	m ³						180.000	
		Bây B	m ³						125.000	
		Đá mặt	m ³	Công ty TNHH Phúc Hương			Đơn giá tại mỏ		125.000	
		Đất 0,5	m ³						170.000	
		Đá 1x2	m ³						215.000	
		Đá 2x4	m ³						180.000	
		Đá 4x6	m ³						180.000	
		Đá hộc	m ³						140.000	
		Bây A	m ³						180.000	
		Bây B	m ³						150.000	
		Đá mặt	m ³	Công ty TNHH SX VÀ TM Khánh Thành			Đơn giá tại mỏ		125.000	
		Đất 0,5	m ³						170.000	
		Đá 1x2	m ³						215.000	
		Đá 2x4	m ³						180.000	
		Đá 4x6	m ³						180.000	

		Đá hộc	m ³						140.000	
		Bây A	m ³						180.000	
		Bây B	m ³						150.000	
		Đá mặt	m ³						110.000	
		Đất 0,5	m ³						180.000	
		Đá 1x2	m ³						200.000	
		Đá 2x4	m ³						180.000	
		Đá 4x6	m ³						180.000	
		Đá hộc	m ³						150.000	
		Bây A	m ³						175.000	
		Bây B	m ³						120.000	
		Đá sô bồ	m ³						77.000	
		Bây A	m ³						140.000	
		Bây B	m ³						70.000-90.000	
		Đá xẻ	m ³						3.000.000-12.000.000	
		Đá bó vĩa	m ³						4.000.000-12.000.000	
		Đá Khối xẻ	m ³						10.000.000-18.000.000	
		Đá ốp lát	m ³						3.000.000-12.000.000	
		Đá sô bồ	m ³						70.000	

2	Xi Măng									
		Xi măng Bim Sơn DD PC40	kg						1.545	
		Xi măng Long Thành PC40	kg						1.273	
		Xi măng Long Thành PC40	kg						1.182	
		Xi Măng bao Visai PCB40	kg						1.318	
		Xi Măng bao Visai PCB30	kg						1.227	
3	Thép Xây dựng									
		Thép Hoà Phát								
		Thép cuộn fi6 - fi8	kg						15.400	
		Thép cuộn vằn fi8	kg						15.450	
		Thép cây vằn fi 10	kg						12.088	
		Thép cây vằn fi 12	kg						13.300	
		Thép cây vằn fi 14	kg						13.482	
		Thép cây vằn fi 16	kg						13.078	
		Thép cây vằn fi 18	kg						13.481	
		Thép cây vằn fi 20	kg						13.495	
		Thép ly	kg						20.909	

4	Gạch, đá, ốp lát									
		Gạch Ceramic mài bóng KT 500 x 500	m ²						125.000	
		Gạch Granit, bán sứ mài bóng KT 600 x 600	m ²						205.000	
		Gạch ốp tường mài bóng KT 300 x 600	m ²						145.000	
5	Tấm lợp									
		Tôn sóng liên doanh dày 0,35mm	m ²						55.455	
		Tôn sóng liên doanh dày 0,4mm	m ²						60.000	
		Tôn sóng Việt Pháp dày 0,35mm	m ²						71.818	
		Tôn sóng Việt Pháp dày 0,4mm	m ²						80.909	
		Tôn sóng Việt Nhật dày 0,35mm	m ²						93.636	
		Tôn sóng Việt Nhật dày 0,4mm	m ²						102.727	
		Tôn sóng Hoa Sen dày 0,35mm	m ²						81.818	
		Tôn sóng Hoa Sen dày 0,4mm	m ²						9.091	

		Tôn sóng furiton dày 0,35mm	m ²						86.364	
		Tôn sóng furiton dày 0,4mm	m ²						95.455	
6	Gạch xây									
		Gạch chỉ 60x105x220 - Tuy nen 2 lỗ	Viên						1.450	
		Gạch chỉ 60x105x220 - Tuy nen đặc	Viên						1.900	
		Gạch không nung đặc 60x105x220	Viên						1.400	
		Gạch không nung có lỗ 110x105x220	Viên						2.400	
7	Gỗ, luồng xây dựng									
		Gỗ ván cốp pha	m ³						4.500.000	
		Cây chống (luồng L >4 m)	Cây						19.500	